

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam  
Mã chứng khoán: SHP  
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa  
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 028 3820.7795  
Fax: 028 3820.7794  
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh  
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/03/2021 tại đường dẫn [www.shp.vn](http://www.shp.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

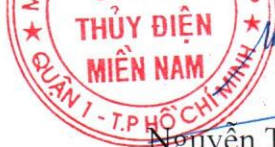
*Đính kèm:*

- Công văn số 170/SHP-TCKT ngày 22/03/2021 về việc: “Giải trình biến động lợi nhuận”.
- BCTC 2020 đã được kiểm toán.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

**Kế Toán Trưởng**



Nguyễn Thành Tú Anh

Số: 1.70/SHP-TCKT  
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM

Căn cứ vào khoản 4 điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) xin được giải trình biến đổi lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với cùng kỳ năm trước như sau:

DVT: triệu đồng

<b>Kết quả sản xuất kinh doanh</b>				
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Chênh lệch tăng, giảm</b>	<b>Tỷ lệ tăng/giảm (%)</b>
Doanh thu và thu nhập khác	433.008	646.536	(213.528)	(33,03)
Tổng chi phí	366.199	418.659	(52.460)	(12,53)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	63.418	216.428	(153.010)	(70,70)

Lợi nhuận năm 2020 đạt 63.418 triệu đồng giảm 153 tỷ đồng (tương đương giảm gần 71%) so với cùng kỳ năm trước vì:

- Doanh thu năm 2020 giảm hơn 213 tỷ đồng (tương ứng giảm 33%) so với năm trước do:

+ Thời tiết năm 2020 không thuận lợi, lưu lượng nước về bình quân giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ Trong Quý 3/2020, nhà máy Đam'Bri gặp sự cố, ngưng vận hành làm cho sản lượng phát điện năm 2020 giảm hơn 25% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí: phần lớn chi phí của công ty là chi phí cố định nên chi phí không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước. Chi phí chủ yếu biến động ở phần chi phí lãi vay, chi phí lãi vay giảm gần 20 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Các chi phí thuế, phí theo quy định của Nhà nước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



**Thăng Thanh Hà**

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

# Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30



# Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2004 và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất số 0303416670 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SHP theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, Số 45, Đường Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch	Đại hội đồng Cổ đông bầu Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020 Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch	Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	
Ông Trần Thế Du	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	Đại hội đồng Cổ đông bầu Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên	Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thái	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Huệ	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	HĐQT miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 25 tháng 6 năm 2020

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 21 tháng 5 năm 2018 đến ngày 2 tháng 7 năm 2020 là Ông Đoàn Đức Hưng và từ ngày 3 tháng 7 năm 2020 đến ngày của báo cáo này là Ông Huỳnh Minh Hải.

Ông Thang Thanh Hà được Ông Huỳnh Minh Hải ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 44/UQ-SHP-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2021



Số tham chiếu: 61607369/22098533

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2020.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Phạm Xuân Tuân  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 4639-2018-004-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128.519.733.284</b>	<b>215.790.671.298</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>14.135.318.226</b>	<b>92.624.824.888</b>
1. Tiền	111		14.135.318.226	52.624.824.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>110.685.849.483</b>	<b>107.467.821.708</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	25	109.673.409.433	105.958.258.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	992.578.081	893.384.624
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	327.224.169	923.541.213
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(307.362.200)	(307.362.200)
<i>III. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>3.541.007.673</b>	<b>3.905.309.084</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.541.007.673	3.905.309.084
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>157.557.902</b>	<b>11.792.715.618</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	157.557.902	833.729.753
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.958.985.865
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.696.576.309.343</b>	<b>1.869.380.600.419</b>
<i>I. Phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>634.695.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	634.695.000	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>1.693.778.319.093</b>	<b>1.865.585.259.537</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.690.955.513.579	1.862.697.105.251
Nguyên giá	222		3.107.620.580.999	3.106.165.920.361
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(1.416.665.067.420)	(1.243.468.815.110)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.822.805.514	2.888.154.286
Nguyên giá	228		3.235.309.947	3.235.309.947
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.504.433)	(347.155.661)
<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>252.000.000</b>	<b>1.144.753.416</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	252.000.000	1.144.753.416
<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>1.911.295.250</b>	<b>2.650.587.466</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.911.295.250	2.650.587.466
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.825.096.042.627</b>	<b>2.085.171.271.717</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>704.246.521.347</b>	<b>831.819.037.399</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>323.199.521.347</b>	<b>264.616.037.399</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.621.759.810	2.172.879.490
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	21.405.273.437	17.913.947.075
3. Phải trả người lao động	314		3.559.174.673	4.833.886.060
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.929.974.806	4.535.143.083
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	64.598.571.000	18.567.974.067
6. Vay ngắn hạn	320	17	223.302.860.497	212.156.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	4.781.907.124	4.436.207.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>381.047.000.000</b>	<b>567.203.000.000</b>
1. Vay dài hạn	338	17	381.047.000.000	567.203.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.120.849.521.280</b>	<b>1.253.352.234.318</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18.1</b>	<b>1.120.849.521.280</b>	<b>1.253.352.234.318</b>
1. Vốn cổ phần	411		937.102.000.000	937.102.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.330.913.498	28.330.913.498
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		155.416.607.782	287.919.320.820
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		91.998.920.820	71.491.521.925
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		63.417.686.962	216.427.798.895
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.825.096.042.627</b>	<b>2.085.171.271.717</b>

Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng



Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	19.1	429.384.136.428	643.027.010.680
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10	19.1	429.384.136.428	643.027.010.680
3. Giá vốn hàng bán	11	20, 23	(287.868.924.643)	(318.356.881.168)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		141.515.211.785	324.670.129.512
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.2	3.227.227.679	3.298.435.419
6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22 23	21	(57.313.114.653) (57.311.431.153)	(77.200.307.245) (77.200.307.245)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22, 23	(21.013.432.427)	(23.101.179.921)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.415.892.384	227.667.077.765
9. Thu nhập khác	31		397.085.509	210.827.139
10. Chi phí khác	32		(3.182.273)	(909.000)
11. Lợi nhuận khác	40		393.903.236	209.918.139
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.809.795.620	227.876.995.904
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24.1	(3.392.108.658)	(11.449.197.009)
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		63.417.686.962	216.427.798.895
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18.5	648	2.219
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	18.5	648	2.219

  
Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

  
Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

  
Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>66.809.795.620</b>	<b>227.876.995.904</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	02	9, 10	173.261.601.082	186.175.263.646
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.227.227.679)	(3.298.435.419)
Chi phí lãi vay	06	21	57.311.431.153	77.200.307.245
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>294.155.600.176</b>	<b>487.954.131.376</b>
Giảm (tăng) các khoản phải thu	09		7.095.961.720	(4.085.907.816)
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10		991.806.071	(1.819.981.059)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11		1.887.509.570	(2.658.377.574)
Giảm chi phí trả trước	12		565.446.374	3.973.519.446
Tiền lãi vay đã trả	14		(57.697.541.974)	(78.237.291.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(4.403.299.107)	(10.265.800.654)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	16	(8.154.300.500)	(7.407.287.868)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>234.441.182.330</b>	<b>387.453.004.587</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21		(1.454.660.638)	(2.091.789.320)
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		3.237.529.049	3.298.435.419
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.782.868.411</b>	<b>1.206.646.099</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	17	37.146.860.497	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	17	(212.156.000.000)	(250.156.000.000)
Cổ tức đã trả	36	18.4	(139.704.417.900)	(185.541.587.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(314.713.557.403)</b>	<b>(435.697.587.200)</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(78.489.506.662)</b>	<b>(47.037.936.514)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>92.624.824.888</b>	<b>139.662.761.402</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>14.135.318.226</b>	<b>92.624.824.888</b>



Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng



Thăng Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2004 và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất số 0303416670 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SHP theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, Số 45, Đường Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 119 (31 tháng 12 năm 2019 là: 119).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích hao mòn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### 3.15 Nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	273.940.863	106.301.567
Tiền gửi ngân hàng	13.861.377.363	52.518.523.321
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.135.318.226</b>	<b>92.624.824.888</b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	700.607.557	893.384.624
<i>Ban Đền bù Giải phóng Mặt bằng</i>		
<i>Huyện Bảo Lâm</i>	330.955.900	330.955.900
<i>Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Thái Hưng</i>		
<i>Thịnh</i>	196.447.060	-
<i>Chi nhánh Miền Nam - Công ty Tư vấn</i>		
<i>và Chuyển giao Công nghệ - Đại học Thủy Lợi</i>	-	231.960.724
<i>Khác</i>	173.204.597	330.468.000
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	291.970.524	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>992.578.081</b>	<b>893.384.624</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>327.224.169</b>	<b>923.541.213</b>
Tạm ứng	-	93.232.986
Lãi tiền gửi	-	10.301.370
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	444.394.875
Khác	327.224.169	375.611.982
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	634.695.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>961.919.169</b>	<b>923.541.213</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(307.362.200)	(307.362.200)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>654.556.969</b>	<b>616.179.013</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ	1.832.365.933	2.499.177.594
Nguyên liệu, vật liệu	1.708.641.740	1.406.131.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.541.007.673</u></b>	<b><u>3.905.309.084</u></b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>157.557.902</b>	<b>833.729.753</b>
Công cụ, dụng cụ	78.250.281	735.824.725
Chi phí bảo hiểm	71.320.973	89.571.699
Khác	7.986.648	8.333.329
<b>Dài hạn</b>	<b>1.911.295.250</b>	<b>2.650.587.466</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.408.779.131	1.973.736.577
Công cụ, dụng cụ	465.688.184	631.496.490
Khác	36.827.935	45.354.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.068.853.152</u></b>	<b><u>3.484.317.219</u></b>



## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	2.397.831.233.964	702.486.808.389	4.919.405.058	928.472.950	3.106.165.920.361
Mua trong năm	-	1.144.660.638	310.000.000	-	1.454.660.638
Số cuối năm	2.397.831.233.964	703.631.469.027	5.229.405.058	928.472.950	3.107.620.580.999
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	3.547.974.998	265.713.281.488	4.218.688.695	621.474.838	274.101.420.019
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	747.820.008.711	490.190.591.304	4.752.110.473	706.104.622	1.243.468.815.110
Khấu hao trong năm	109.328.975.823	63.669.264.622	127.671.213	70.340.652	173.196.252.310
Số cuối năm	857.148.984.534	553.859.855.926	4.879.781.686	776.445.274	1.416.665.067.420
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	1.650.011.225.253	212.296.217.085	167.294.585	222.368.328	1.862.697.105.251
Số cuối năm	1.540.682.249.430	149.771.613.101	349.623.372	152.027.676	1.690.955.513.579
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	1.370.204.159.011	146.245.645.632	-	-	1.516.449.804.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>2.719.863.637</u>	<u>515.446.310</u>	<u>3.235.309.947</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	319.400.000	319.400.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	347.155.661	347.155.661
Hao mòn trong năm	-	65.348.772	65.348.772
Số cuối năm	-	<u>412.504.433</u>	<u>412.504.433</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>2.719.863.637</u>	<u>168.290.649</u>	<u>2.888.154.286</u>
Số cuối năm	<u>2.719.863.637</u>	<u>102.941.877</u>	<u>2.822.805.514</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Đa Dạng 2	252.000.000	252.000.000
Sửa chữa lớn	-	892.753.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>252.000.000</b></u>	<u><b>1.144.753.416</b></u>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả cho người bán	1.258.175.803	1.712.447.718
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa</i>		
<i>Hoàn Mỹ Đà Lạt</i>	182.588.500	-
<i>Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng</i>		
<i>Nam Việt</i>	153.967.000	-
<i>Khác</i>	921.620.303	1.712.447.718
Phải trả cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	<u>363.584.007</u>	<u>460.431.772</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.621.759.810</b></u>	<u><b>2.172.879.490</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	3.600.833.816	43.084.249.248	(41.617.862.549)	5.067.220.515
Thuế tài nguyên	2.606.658.836	40.477.973.187	(38.454.933.015)	4.629.699.008
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.358.125.033	3.392.108.658	(4.403.299.107)	3.346.934.584
Thuế thu nhập cá nhân	891.925.943	2.459.663.620	(1.645.421.072)	1.706.168.491
Thuế, phí khác	6.456.403.447	22.522.729.668	(22.323.882.276)	6.655.250.839
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.913.947.075</u></b>	<b><u>111.936.724.381</u></b>	<b><u>(108.445.398.019)</u></b>	<b><u>21.405.273.437</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án Nhà máy Thủy điện Đamb'ri	2.358.000.000	2.358.000.000
Chi phí lãi vay trích trước	1.319.521.598	1.705.632.419
Chi phí khác	252.453.208	471.510.664
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.929.974.806</u></b>	<b><u>4.535.143.083</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	64.443.153.700	16.727.171.600
Phải trả nhân viên Công ty	65.981.500	270.841.617
Khác	89.435.800	1.569.960.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>64.598.571.000</u></b>	<b><u>18.567.974.067</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	45.784.358.000	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho bên khác</i>	18.814.213.000	18.567.974.067

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.436.207.624	1.943.495.492
Trích từ lợi nhuận sau thuế	8.500.000.000	9.900.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(8.154.300.500)	(7.407.287.868)
Số cuối năm	<u>4.781.907.124</u>	<u>4.436.207.624</u>



## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY

	Số đầu năm	Tiền thu từ đi vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>212.156.000.000</b>	<b>37.146.860.497</b>	<b>(212.156.000.000)</b>	<b>186.156.000.000</b>	<b>223.302.860.497</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 17.1)	-	37.146.860.497	-	-	37.146.860.497
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh 17.2)	212.156.000.000	-	(212.156.000.000)	186.156.000.000	186.156.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>567.203.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(186.156.000.000)</b>	<b>381.047.000.000</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 17.2)	567.203.000.000	-	-	(186.156.000.000)	381.047.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>779.359.000.000</b>	<b>37.146.860.497</b>	<b>(212.156.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>604.349.860.497</b>

VND

### 17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	37.146.860.497	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	5,0 - 6,3	Tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Đasiat trị giá 111.077.984.822 VND (Thuyết minh số 9)

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.2 Vay dài hạn ngân hàng

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Từ ngày đến ngày	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	330.000.000.000	Từ ngày 19 tháng 3 năm 2021 đến ngày 18 tháng 12 năm 2024		8,3	Tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	88.203.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2021 đến ngày 17 tháng 4 năm 2022		6,9	Thủy điện Đamb'ri trị giá 1.405.371.819.821 VND (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	149.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2021 đến ngày 25 tháng 7 năm 2025		7,5	Tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Đasiat trị giá 111.077.984.822 VND (Thuyết minh số 9)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>567.203.000.000</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	186.156.000.000				
Vay dài hạn	381.047.000.000				

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
<b>Năm trước:</b>				
Số đầu năm	937.102.000.000	28.330.913.498	268.811.921.925	1.234.244.835.423
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	216.427.798.895	216.427.798.895
Cổ tức công bố	-	-	(187.420.400.000)	(187.420.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	937.102.000.000	28.330.913.498	287.919.320.820	1.253.352.234.318
<b>Năm nay:</b>				
Số đầu năm	937.102.000.000	28.330.913.498	287.919.320.820	1.253.352.234.318
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	63.417.686.962	63.417.686.962
Cổ tức công bố (*)	-	-	(187.420.400.000)	(187.420.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	937.102.000.000	28.330.913.498	155.416.607.782	1.120.849.521.280

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 27/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 20% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông, tương đương với 187.420.400.000 VND.
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt là 8.000.000.000 VND và 500.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86	457.843.580.000	48,86
Công ty TNHH Năng lượng REE	103.894.900.000	11,09	-	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	-	-	103.894.900.000	11,09
Cổ đông khác	375.363.520.000	40,05	375.363.520.000	40,05
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>937.102.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>937.102.000.000</b>	<b>100,00</b>

**18.3 Cổ phiếu**

	Số đầu năm	Số cuối năm
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	93.710.200	93.710.200
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	93.710.200	93.710.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200	93.710.200
Cổ phiếu đang lưu hành	93.710.200	93.710.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200	93.710.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**18.4 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã trả trong năm	139.704.417.900	185.541.587.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.5 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	63.417.686.962	216.427.798.895
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(2.726.960.539)</u>	<u>(8.500.000.000)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>60.690.726.423</b>	<b>207.927.798.895</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>93.710.200</u>	<u>93.710.200</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	648	2.219
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	648	2.219

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 4,3% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên Số 27/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	<u>429.384.136.428</u>	<u>643.027.010.680</u>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>3.227.227.679</u>	<u>3.298.435.419</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất điện	<u>287.868.924.643</u>	<u>318.356.881.168</u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	57.311.431.153	77.200.307.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>1.683.500</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.313.114.653</u></b>	<b><u>77.200.307.245</u></b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.469.568.497	14.802.063.678
Chi phí thuê văn phòng	2.396.782.514	2.132.728.200
Chi phí khấu hao và hao mòn	467.227.185	494.516.716
Chi phí khác	<u>5.679.854.231</u>	<u>5.671.871.327</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.013.432.427</u></b>	<b><u>23.101.179.921</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	173.261.601.082	186.175.263.646
Thuế tài nguyên	40.477.973.187	54.044.998.871
Chi phí nhân viên	35.937.399.963	44.843.985.734
Phí dịch vụ môi trường rừng	15.631.578.756	21.024.341.172
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.872.397.000	6.585.867.000
Chi phí nguyên vật liệu	5.944.175.384	3.305.035.436
Chi phí khác	<u>30.757.231.698</u>	<u>25.478.569.230</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>308.882.357.070</u></b>	<b><u>341.458.061.089</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat bắt đầu hoạt động từ năm 2010 và nhà máy thủy điện Đamb'ri bắt đầu hoạt động từ năm 2014.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3.392.108.658</u>	<u>11.449.197.009</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<u><b>66.809.795.620</b></u>	<u><b>227.876.995.904</b></u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	13.361.959.124	45.575.399.181
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	185.051.519	187.897.164
Thuế TNDN được giảm	<u>(10.154.901.985)</u>	<u>(34.314.099.336)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<u><b>3.392.108.658</b></u>	<u><b>11.449.197.009</b></u>

### 24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	352.987.730.612	566.110.038.922
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	76.396.405.816	76.916.971.758
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Cổ tức	91.568.716.000	91.568.716.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn (từ ngày 10 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức	20.778.980.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Cổ đông lớn (đến ngày 10 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức	-	20.778.980.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	291.970.524	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	228.733.468	485.772.471
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	134.850.539	231.698.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	101.802.216.100	97.566.568.841
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	7.871.193.333	8.391.689.230
			<b>109.673.409.433</b>	<b>105.958.258.071</b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	291.970.524	-
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	228.733.468	228.733.468
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	134.850.539	231.698.304
			<b>363.584.007</b>	<b>460.431.772</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Cổ tức	45.784.358.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch (đến ngày 18 tháng 6 năm 2020)	226.811.002	332.366.560
Ông Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 6 năm 2020)	585.979.185	154.458.119
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	196.087.000	201.642.556
Ông Trần Thế Du	Thành viên độc lập	164.384.000	119.939.556
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	196.087.000	201.642.556
Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	60.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên	136.087.000	201.642.556
Ông Lê Xuân Hải	Thành viên	31.703.000	81.703.000
Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	747.804.000	802.220.500
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	559.412.051	677.923.088
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.904.354.238</b>	<b>2.773.538.491</b>

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.538.780.000	1.075.250.468
Trên 1 đến 5 năm	1.163.607.500	-
Trên 5 năm	9.032.317.902	8.851.304.293
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.734.705.402</b>	<b>9.926.554.761</b>

**27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng



Trương Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021